

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HSST

Ngày: 25/5/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, Ông Vũ Huy Hiệp.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Miện.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Hội tr- ờng Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Xuân N, Sinh năm 1995;

HKTT: Thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Vũ Xuân H, sinh năm 1965, Con bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1966. Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02 ngày 12/12/2016 của Công an huyện T xử phạt Vũ Xuân N về hành vi đánh nhau, chấp hành xong ngày 13/12/2016.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 22/11/2017, có mặt tại phiên toà.

2. Hà Huy C, Sinh ngày 13/9/1995;

HKTT: Thôn 2, xã G, huyện C, thành phố HP; Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Hà Văn K, sinh năm 1970, Con bà: Trần Thị H, sinh năm 1977. Tiền sự: không; Tiền án: - Bản án số 16 ngày 24/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Hà Huy C 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản (tài sản trị giá 6.520.000đ, C chưa thành niên phạm tội).

- Bản án số 172 ngày 31/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt Hà Huy C 32 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp với 2 tháng 17 ngày của bản án số 16 ngày 24/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Buộc C chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 34 tháng 17 ngày tù. C chấp hành xong ngày 28/01/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2017 đến ngày 23/11/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên toà.

3. Trần Phú B (tên gọi khác: Trần Phú L), Sinh năm 1995;

HKTT: Khu P, thị trấn TM, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do, Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Trần Phú D, sinh năm 1971, con bà: Vũ Thị V, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/11/2017 đến ngày 23/11/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên toà.

4. Vũ Văn T, Sinh ngày 22/01/1998;

HKTT: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Vũ Văn T1, sinh năm 1963, con bà: Ngô Thị N, sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 22/11/2017, có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh Hoàng Bá Đ, sinh năm 1971.

Trú tại Đội C, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh T, có đơn đề nghị vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979.

Trú tại thôn P, xã T, huyện TM, tỉnh H, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 19/11/2017, Vũ Văn T gọi điện cho Vũ Xuân N đến quán tắm quất ở thôn Q, xã L, huyện T để giúp T vì T cho rằng bên ngoài có người đang phá quán. Vũ Xuân N chở Hà Huy C và Trần Phú B cầm theo 02 phóng lợn (được làm từ 01 tuýp sắt dài khoảng 1,5m, đường kính 2,5cm, một đầu gắn dao nhọn dài 21cm, bản rộng 7,1cm; 01 tuýp sắt gắn dao nhọn dài 18cm, bản rộng 07 cm) và 01 thanh kiếm (vỏ bằng gỗ, lưỡi kiếm dài 32cm, bản rộng 3 cm, đầu kiếm nhọn) đi bằng xe mô tô Exciter (không rõ biển kiểm soát) từ phòng trọ của N cạnh nhà nghỉ M, thuộc khu P, thị trấn TM đến chỗ T. Khi đến khu V, thị trấn TM, N điều khiển xe mô tô định vượt lên xe ô tô biển số 98C-07295 do anh Hoàng Bá Đ điều khiển phía trước cùng chiều nhưng không được, N mất lái làm xe đổ ra đường, không ai bị thương tích gì. N dựng xe và điều khiển xe đuổi theo xe ô tô, đến khu vực cầu đang xây dựng thuộc thôn Q, xã L, huyện TM, N điều khiển xe mô tô vượt lên, chặn ngang đầu xe ô tô. N dùng kiếm nhọn đập vào phần cửa và kính cửa xe bên trái và yêu cầu anh Đ xuống xe, C dùng phóng lợn đập vào kính chắn gió phía trước, B cầm phóng lợn đập vào gương chiếu hậu bên trái làm vỡ gương nhỏ phía dưới, bật tung phần ốp nhựa của gương. Anh Đ sợ hãi không dám xuống xe. Một lúc sau, N điều khiển xe mô tô chở B, C đến quán tắm quất gặp T. N, B, C không kể cho T biết về việc vừa đập phá xe của anh Đ.

Do không thấy có người phá quán tắm quất nên N lại điều khiển xe mô tô chở B và C về. T điều khiển xe mô tô Sirius màu vàng, không có biển kiểm soát của quán tắm quất, mang theo 01 con dao gọt hoa quả dài khoảng 20cm, 01 con dao bằng kim loại tối màu, dài khoảng 30cm, rộng khoảng 3 cm, đi theo N. Đến Km 2+130 đường 392C thuộc địa phận thôn Q, xã L, thấy xe ô tô của anh Đ đỗ mé đường, N đỗ xe chặn trước đầu xe ô tô. T đến nơi cũng đỗ xe gần đầu xe ô tô, xuống xe tay vẫn cầm 02 con dao.

N cầm kiếm, chém, đập nhiều nhất vào kính, cửa xe ô tô bên trái và quát anh Đ xuống nói chuyện. B cầm phông lợn đập nhiều nhất vào kính cửa bên trái làm kính vỡ, N cầm kiếm sang đập vào cánh cửa bên phải, C cầm phông lợn đập nhiều nhất vào kính chắn gió phía trước làm kính rạn vỡ. N cầm kiếm khua vào khoang lái và yêu cầu anh Đ xuống nói chuyện. Quá sợ hãi, anh Đ mở cửa xe bên phải xuống. N, C, B đứng vây quanh anh Đ, trên tay vẫn cầm hung khí, T vẫn đứng gần xe mô tô Sirius. N cầm kiếm đập 01 nhát vào má trái của anh Đ, dùng chân đạp vào phần hông làm anh Đ ngã xuống đường. C lấy thanh kiếm từ tay N, lúc này T vẫn cầm 02 con dao đi đến gần chỗ anh Đ và cầm thanh kiếm C đưa cho làm anh Đ càng sợ hãi. N hỏi anh Đ “thế bây giờ ý ông thế nào”, ý N muốn yêu cầu lái xe đưa tiền cho N vì đã làm nhóm của N bị ngã. Anh Đ sợ hãi lên xe lấy ví xuống đếm được 1.300.000 đồng, anh Đ nói xin lại 100.000 đồng, N không nói gì. Anh Đ cầm 1.200.000 đồng đút vào túi hậu quần bên phải của N. Sau đó N chở B, C chở T về phòng trọ của N cất giấu hung khí. N chia cho C, B, T mỗi người 300.000 đồng. B và C đã chi tiêu hết số tiền này.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện quản lý 01 điện thoại di động Nokia 1280 của N; 01 điện thoại di động Nokia X2 màu đỏ đen của T; 01 chiếc xe Sirius màu vàng, không có biển kiểm soát, số khung RLCS5C6KOEY174191; 02 tuýp sắt, 01 kiếm mà các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội; một số mảnh nhựa và kính vỡ của xe ô tô biển số 98C-07295; số tiền 600.000 đồng do N và T giao nộp.

Ngày 29/12/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện có Kết luận số 26/KL-HĐĐG xác định thiệt hại của xe ô tô do anh Đ điều khiển:

- Kính chắn gió phía trước hư hỏng trị giá 2.500.000 đồng.
 - Kính chắn gió bên trái hư hỏng trị giá 750.000 đồng.
 - Mặt ngoài cánh cửa bên trái hư hỏng trị giá: 2.500.000 đồng.
 - Ốp nhựa, mặt gương phía dưới bên trái hư hỏng trị giá: 2.500.000 đồng.
 - Mặt ngoài cánh cửa bên phải hư hỏng trị giá: 2.500.000 đồng.
- Tổng giá trị tài sản cần định giá: 10.750.000 đồng.

Quá trình điều tra, gia đình Vũ Xuân N đã bồi thường cho anh Đ số tiền 5.000.000 đồng, anh Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho N. Anh Đ yêu cầu các bị cáo khác phải bồi thường cho anh số tiền bị chiếm đoạt và tiền hư hỏng xe.

Tại cáo trạng số 17/CT-VKS-TM ngày 03/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã căn cứ khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015, điểm b khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, áp dụng điều luật có lợi cho các bị cáo, truy tố bị cáo Vũ Xuân N, Hà Huy C, Trần Phú B, Vũ Văn T về tội “Cướp tài sản”, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015; Vũ Xuân N, Hà Huy C, Trần Phú B về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS năm 2015.

Tại phiên toà Đại diện VKSND huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố, trình bày quan điểm luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị HĐXX: tuyên bố các bị cáo Vũ Xuân N, Hà Huy C, Trần Phú B, Vũ Văn T

phạm tội “Cướp tài sản”. Bị cáo Vũ Xuân N, Hà Huy C, Trần Phú B phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Về hình phạt: áp dụng điểm d khoản 2 điều 168, điều 17, 58, điểm s, h khoản 1 điều 38 BLHS năm 2015 với bị cáo N, C, B, T; khoản 1 điều 178, điều 55 BLHS năm 2015 với bị cáo N, C, B. (*áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS với bị cáo N, điểm b khoản 1, điều 54 BLHS với bị cáo T, điểm b khoản 1 điều 51 BLHS với bị cáo B, điểm h khoản 1 điều 52 BLHS với bị cáo C*),

Xử phạt: Vũ Xuân N từ 07 năm 08 tháng đến 08 năm về tội “Cướp tài sản”, từ 09 tháng đến 12 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc N chấp hành hình phạt chung từ 08 năm 05 tháng đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/11/2017.

Hà Huy C từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 10 tháng về tội “Cướp tài sản”, từ 09 tháng đến 12 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc C chấp hành hình phạt chung từ 08 năm 03 tháng đến 08 năm 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017.

Trần Phú B từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng về tội “Cướp tài sản”, từ 09 tháng đến 12 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc B chấp hành hình phạt chung từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017.

Vũ Văn T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/11/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.200.000đ của anh Đ, chia nhau mỗi bị cáo 300.000đ. Bị cáo N, T, B đã nộp lại 900.000đ cần trả lại anh Đ. Buộc C có trách nhiệm bồi thường cho anh Đ 300.000đ. Buộc C, B liên đới bồi thường thiệt hại xe ô tô cho anh Đ số tiền còn lại 5.750.000đ, chia ra C chịu 2.875.000đ, B chịu 2.875.000đ.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47, khoản 1 điều 48 BLHS năm 2015, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS năm 2015, tịch thu cho tiêu hủy 02 tuýp sắt, 01 kiếm, một số mảnh nhựa và kính vỡ của xe ô tô. Trả lại bị cáo N, T 02 điện thoại đã thu giữ.

Đối với xe mô tô Sirius màu vàng, không có biển kiểm soát, số khung RLCS5C6KOEY174191 xác định là của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979 ở thôn P, xã T, huyện TM cho anh Hoàng Công Đ mượn, anh B không biết T sử dụng vào việc phạm tội vì vậy trả lại anh B.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo C, B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau, với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, tang vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có căn cứ kết luận: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 19/11/2017, tại khu vực Km 2+130 đường 392C thuộc địa phận thôn Q, xã L, huyện TM, tỉnh H, Vũ Xuân N dùng kiếm cùng Hà Huy C và Trần Phú B mỗi người dùng 01 phóng lợn đập phá xe ô tô biển số 98C-07295 do anh Hoàng Bá Đ, sinh năm 1971, trú tại thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh TN điều khiển, gây hư hỏng xe ô tô thiệt hại 10.750.000 đồng. Bị cáo N tát vào má, đập vào người anh Đ, Vũ Văn T cầm hai con dao và cầm kiếm hộ C, giúp sức N, C, B uy hiếp tinh thần anh Đ, đã chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng.

Các bị cáo nhận thức hành vi dùng kiếm nhọn, 02 cây phóng lợn làm bằng tuýp sắt gắn dao nhọn đập phá xe ô tô của anh Đ, N cầm kiếm đập 01 nhát vào má trái của anh Đ, dùng chân đập vào phần hông làm anh Đ ngã xuống đường làm anh Đ sợ hãi phải đưa số tiền 1.200.000đ cho các bị cáo là xâm hại đến quyền sở hữu tài sản và tính mạng, sức khoẻ của người khác, hành vi các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ, mục đích vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi dùng kiếm, phóng lợn đe dọa, khống chế người bị hại để chiếm đoạt tài sản là phương tiện nguy hiểm được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC và là tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 BLHS năm 2015, vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận N, B, C, T phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 BLHS năm 2015 như cáo trạng đã truy tố.

Hành vi dùng kiếm, phóng lợn đập phá kính xe ô tô làm hư hỏng tài sản xe ô tô trị giá 10.750.000đ của N, C, B đã cấu thành tội cố ý làm hư hỏng tài sản quy định tại khoản 1 điều 178 BLHS năm 2015 như cáo trạng và kết luận của VKSND huyện Thanh Miện là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của mỗi bị cáo: Tuy các bị cáo có mang kiếm, phóng lợn đe dọa, đánh, khống chế người bị hại để cướp tài sản, đập phá kính xe ô tô nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án bị cáo N có vai trò chính, là người chủ động điều khiển xe mô tô đuổi theo xe ô tô của anh Đ, chặn đầu xe, đập kính cửa, yêu cầu anh Đ xuống xe,

dùng kiếm đập vào má và đập anh Đ. Bị cáo C, B tiếp nhận ý chí và tích cực trong việc dùng phóng lộn đập phá xe làm anh Đ hoảng sợ có vai trò tiếp theo, bị cáo T tay cầm hai con dao và cầm kiếm đứng trước mặt anh Đ càng làm anh Đ sợ hãi, giúp sức cho các bị cáo N, C, B buộc anh Đ đưa tiền có vai trò thứ yếu. Các bị cáo phạm tội khi trời còn chưa sáng, đường vắng, cây thể đông người với nhiều hung khí nguy hiểm đập phá xe ô tô, uy hiếp tinh thần làm anh Đ sợ hãi đưa tiền càng thể hiện sự nguy hiểm cho xã hội, coi thường tính mạng, sức khỏe người khác, xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân, coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an và tâm lý lo lắng cho nhân dân địa phương, gây thiệt hại không chỉ về tài sản mà còn ảnh hưởng về tinh thần cho người bị hại, vì vậy cần có mức án nghiêm với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Ba bị cáo N, C, B có hành vi cướp tài sản và cố ý làm hư hỏng tài sản, phạm hai tội vì vậy áp dụng Điều 55 BLHS năm 2105 để tổng hợp hình phạt.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N có một tiền sự về hành vi đánh nhau có nhân thân xấu, bị cáo C vừa chấp hành xong hình phạt tội Cố ý gây thương tích, chưa được xoá án tích chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng TNHS (năm 2013 bị cáo phạm tội cướp tài sản, bị xử phạt 06 năm tù nhưng bị cáo phạm tội khi chưa tròn 16 tuổi, theo điều 107 BLHS năm 2015 quy định, bị cáo được coi là không có án tích). Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi đã phạm, bị xét xử theo khoản 2 điều 168 BLHS năm 2015 trong khi tài sản chiếm đoạt dưới 50 triệu đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, h khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo T, N, B tự nguyện nộp lại số tiền 300.000đ trả anh Đ, N tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho anh Đ số tiền 5.000.000đ được anh Đ xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 (khoản 2 với bị cáo N) điều 51 BLHS. HĐXX xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật hình sự. Đối với bị cáo T vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, HĐXX áp dụng điều 54 BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng dưới mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt sớm hoà nhập cộng đồng.

[5]. Về hình phạt bổ sung: xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, nghề nghiệp không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo chia nhau số tiền chiếm đoạt của anh Đ là 1.200.000đ, Bị cáo N, T, B đã nộp lại 900.000đ, đây là tài sản của anh Đ vì vậy trả lại anh Đ. Bị cáo C có trách nhiệm bồi thường cho anh Đ số tiền 300.000đ. Anh Đ đã nhận số tiền 5.000.000đ do gia đình N bồi thường thiệt hại xe ô tô trong tổng số tiền 10.750.000đ, anh Đ không yêu cầu bị cáo N bồi thường nhưng yêu cầu bị cáo C, B phải bồi thường số tiền còn lại, bị cáo N cũng tự nguyện bồi thường số tiền trên mà không yêu cầu C, B cùng chịu vì vậy buộc C, B liên đới bồi thường số tiền 5.750.000đ cho anh Đ,

chia ra buộc C chịu 2.900.000đ, B chịu 2.850.000đ theo quy định tại khoản 1 điều 48 BLHS năm 2015, điều 584, 585, 589, điều 357 BLDS.

[7]. Về vật chứng: Thu giữ 02 tuýp sắt, 01 kiếm, một số mảnh nhựa và kính vỡ của xe ô tô đều là tang vật phạm tội, là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy. Thu giữ điện thoại di động Nokia 1280 của N; 01 điện thoại di động Nokia X2 màu đỏ đen của T khi các bị cáo gọi cho nhau vào quán do T đang trông coi, không có liên quan đến việc phạm tội vì vậy trả lại các bị cáo. Đối với xe mô tô Sirius màu vàng, không có biển kiểm soát, số khung RLCS5C6KOEY174191 xác định là của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979 ở thôn P, xã T, huyện TM cho anh Đ mượn, anh Đ để ở quán tắm quất để T làm phương tiện đi lại, anh B không biết T sử dụng vào việc phạm tội vì vậy trả lại anh B theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS năm 2015.

Đối với chiếc xe mô tô Exciter mà N sử dụng chở C, B vào sáng ngày 19/11/2017, N khai đây là xe mượn của người khách không rõ tên, tuổi, địa chỉ, đã trả lại cho chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện không quản lý được nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

Đối với 02 con dao T cầm theo vào sáng ngày 19/11/2017, T khai đã vứt đi trên đường về phòng trọ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên không giải quyết.

[8]. Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo C, B có trách nhiệm bồi thường còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Xuân N, Trần Phú B (*tên khác Trần Phú L*), Hà Huy C, Vũ Văn T phạm tội “Cướp tài sản”, Bị cáo Vũ Xuân N, Hà Huy C, Trần Phú B phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 điều 168, điều 38, điều 17, 58, điểm s, h khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 đối với 04 bị cáo N, C, B, T; khoản 1 điều 178, điều 55 BLHS năm 2015 với bị cáo N, C, B. (*áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS với bị cáo N, điểm b khoản 1 điều 51, điều 54 BLHS với bị cáo T, điểm b khoản 1 điều 51 BLHS với bị cáo B, điểm h khoản 1 điều 52 BLHS với bị cáo C*)

Xử phạt: Vũ Xuân N 07 năm 08 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc N chấp hành hình phạt chung **08** (Tám) năm **05** (Năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/11/2017.

Hà Huy C 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc C chấp hành hình phạt chung **08** (Tám) năm **03** (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017.

Trần Phú B (*tên khác Trần Phú L*) 07 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc B chấp hành hình phạt chung **08 (Tám)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/11/2017.

Vũ Văn T **05 (Năm)** năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/11/2017.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 BLHS năm 2015, điều 584, 585, 589, điều 357 BLDS : Trả lại anh Anh Hoàng Bá Đ, sinh năm 1971, trú tại Đội C, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh T số tiền N, T, B nộp lại 900.000đ (*Chín trăm ngàn đồng*).

Buộc C có trách nhiệm bồi thường cho anh Hoàng Bá Đ 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

Buộc C, B (*tên khác L*) liên đới bồi thường thiệt hại xe ô tô cho anh Hoàng Bá Đ số tiền 5.750.000đ, chia ra C chịu 2.900.000đ (*Hai triệu chín trăm ngàn đồng*), B (*tên khác L*) chịu 2.850.000đ (*Hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3/ Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47, khoản 1 điều 48 BLHS năm 2015, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS năm 2015 :

Tịch thu cho tiêu hủy 02 tuýp sắt, 01 kiếm, một số mảnh nhựa và kính vỡ của xe ô tô.

Trả lại bị cáo Vũ Xuân N 01 điện thoại NOKIA 1280 màu đen, số IMET 357381/04/392010/0, trả lại bị cáo Vũ Văn T 01 điện thoại NOKIA X2 màu đỏ đen số IMEI: 358645/04/566485/1.

Trả lại anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979 ở thôn P, xã T, huyện TM, tỉnh H 01 xe mô tô Sirius màu vàng, không có biển kiểm soát, số khung RLCS5C6KOEY174191.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2018 giữa Công an huyện Thanh Miện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện.)

4/ Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Các bị cáo N, C, B (*tên khác L*), T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo C, B (*tên khác L*) mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, Điều 333 BLTTHS năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết. Người có liên quan có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
Đã ký

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương,
- Công an Thanh Miện;
- Trại Tạm giam Kim Chi,
- Chi cục THADS Thanh Miện,
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương,
- Người tham gia tố tụng,
- Lưu hồ sơ.

Bùi Xuân Thành